

BIỂU GIÁ ĐẤT										
Dự án Nâng cấp đoạn Km18 - Km80 Quốc lộ 4B, tỉnh Lạng Sơn (Bãi đổ đất thải thôn Bản Chuông, xã Đình Lập)										
(Kèm theo Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã Đình Lập)										
STT		Loại đất	Trích đo ĐC		Vị trí, Nhóm	Theo BĐDC			Diện tích được bồi thường (m²)	Giá bồi thường (đồng/m²)
			Số thửa	Số tờ		Số thửa	Số tờ BĐ	Mục đích SDD		
TỔNG CỘNG PHƯƠNG ÁN									42.799,9	
1	Hộ ông Hoàng Văn Bình, vợ Mã Thị Nghĩa								136,1	
	1.1	Đất rừng sản xuất	398	55-2024	Nhóm II	398	04	RSX	136,1	8.000
2	Hộ bà Hoàng Thị Cáp, chồng Nguyễn Đức Ngoạn								3.039,8	
	2.1	Đất rừng sản xuất	441	55-2024	Nhóm II	441	04	RSX	3.039,8	8.000
3	Hộ ông Lành Văn Dương, vợ Bế Thị Thương								7.133,8	
	3.1	Đất rừng sản xuất	404	55-2024	Nhóm II	404	04	RSX	7.133,8	8.000
4	Hộ bà Vi Thị Lan								7.532,5	
	5.1	Đất rừng sản xuất	402	55-2024	Nhóm II	402	04	RSX	7.532,5	8.000
	5.2	Đất rừng sản xuất	400	55-2024	Nhóm II				256,6	8.000
	5.3	Đất rừng sản xuất	404	55-2024	Nhóm II				2.699,9	8.000
5	Hộ bà Nông Thị Hiêm								3.407,2	
	6.1	Đất rừng sản xuất	403	55-2024	Nhóm II	403	04	RSX	3.407,2	8.000
	6.2	Đất rừng sản xuất	401	55-2024	Nhóm II				38,8	8.000
6	Ông Hoàng Thanh Tú								1.381,6	
	8.1	Đất rừng sản xuất	408	55-2024	Nhóm II	20	02	RSX	1.381,6	8.000
7	Hộ ông Hoàng Trường Sơn, vợ Vi Thị Vị								7.372,6	
	9.1	Đất rừng sản xuất	400	55-2024	Nhóm II	10	02	RSX	5.875,9	8.000
	9.2	Đất rừng sản xuất	401	55-2024	Nhóm II	401	04	RSX	1.496,7	8.000
8	Hộ ông Phương Văn Tăng, vợ Sái Thị Thức								339,2	
	10.1	Đất rừng sản xuất	405	55-2024	Nhóm II	407	04	RSX	339,2	8.000
9	Bà Nguyễn Thị Phương Thảo								4.206,2	
	11.1	Đất rừng sản xuất	440	55-2024	Nhóm II	440	04	RSX	4.206,2	8.000
	11.2	Đất rừng sản xuất	408	55-2024	Nhóm II				290,4	8.000
10	Hộ ông Mã Quang Triệu, vợ Hoàng Thị Mới								6.263,2	
	12.1	Đất rừng sản xuất	405	55-2024	Nhóm II		4	RSX	6.263,2	8.000
	12.2	Đất rừng sản xuất	404	55-2024	Nhóm II		4	RSX	689,6	8.000